

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 223/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 8 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

2. Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Phi Cát – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P. Sinh năm: 1975. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Tâm N. Sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà trọ ông Huỳnh Thanh V, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và chị Hồ Thị Tâm N kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 11/02/2009. Qua thời gian chung sống không hợp nhau, chị N đã bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/10/2008, Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/11/2015. Cả 03 con đang sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 19/6/2024, bị đơn bà Hồ Thị Tâm N trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Qua thời gian chung sống không hợp nhau nên đã bỏ nhà đi từ năm 2019. Tôi đồng ý ly hôn với ông P.

- Về con chung: Có 03 người con chung là tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/10/2008, Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/11/2015, hiện 03 con đang sống cùng cha. Khi ly hôn đồng ý giao cả 03 con cho cha nuôi, không đặt ra cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về Tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tố tụng, không vi phạm. Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận ly hôn; Về con: Giao 03 con chung cho ông P nuôi, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn P là nguyên đơn có yêu cầu xin xử vắng mặt và bà Hồ Thị Tâm N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P và bà N theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Hồ Thị Tâm N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nay ông P xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đã sống ly thân từ rất lâu nên yêu cầu được ly hôn với bà N và bà N cũng đồng ý ly hôn với ông P. Xét thấy, hôn nhân của ông P và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P về việc xin ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Ông P và bà N xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/10/2008, Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/11/2015. Xét thấy các con đang sống cùng ông P, nguyện vọng của các con là muốn sống cùng cha nên việc giao cho ông P tiếp tục trực tiếp nuôi cả 03 con là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ông P và bà N xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông P và bà N xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P xin ly hôn với bà Hồ Thị Tâm N.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/10/2008, Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/11/2015 cho ông Nguyễn Văn P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Bà N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 17/4/2024, ông P nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009144 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Ông P và bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Hồng Xuyên**